

Bản án số: 30/2025/HS - ST
Ngày 29/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giàng Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Ông Nguyễn Ngọc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai..

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2025/TLST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 đối với bị cáo:

Phạm Thanh T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/10/1997 tại xã V, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị G. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Giàng Cui C, sinh năm 1996; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2025; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh L; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Tần Láo T1 (tên thường gọi là P), sinh ngày 19/10/1997; Trú tại thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn T, xã B tỉnh Lào Cai); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 5/2022, Tần Láo T1 (tên gọi khác là P) vay của Trần Văn T2 số tiền 5.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày, tuy nhiên T1 (P) chưa trả gốc và lãi cho T2 lần nào. Tả (P) nhắn tin cho T2 biết T1 (P) đang đi làm tại Hải Dương, khi nào có tiền thì sẽ trả cho T2. Đầu tháng 8/2022,

T2 gặp Chảo Láo T3 là bạn của T3 (P) tại quán bi da của T2 ở thôn K, xã Q, huyện B. T2 nói chuyện cho Chảo Láo T3 việc T3 (P) đang nợ tiền T2 và bảo Chảo Láo T3 nếu T3 tìm được T3 (Phin) và báo cho T2 thì T2 sẽ cho tiền, Chảo Láo T3 đồng ý.

Khoảng 20 giờ ngày 03/9/2022, T3 (P) nhắn tin cho Chảo Láo T3 biết đang ở nhà nghỉ C1 trên đường H, Phường C, thành phố L và rủ T3 đến chơi, Chảo Láo T3 đồng ý đi đến chỗ của T3 (P). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Chảo Láo T3 nhắn tin báo cho T2 biết T3 (P) đang ở nhà nghỉ C1 để T2 đến đòi nợ. Biết T2 sẽ đánh T3 (P) nên Chảo Láo T3 nhắn tin báo T2 cũng đánh cả mình để cho T3 (P) không nghi ngờ việc Chảo Láo T3 báo tin, T2 đồng ý. Sau đó T2 rủ Trần Thanh T4, Vàng Láo T5 và Phạm Thanh T cùng đi tìm T5 (P) để đòi nợ. T4, Vàng Láo T5, T đồng ý, bốn người thuê xe taxi biển kiểm soát 24A – 087.90 do Nguyễn Ngọc A chở đến nhà nghỉ C1 để tìm T5 (P). Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, thấy Chảo Láo T3 xuống lấy đồ ăn, T2, T4, Chảo Láo T3 đi lên phòng 301, còn T và Vàng Láo T5 chờ ở dưới. Khi vào phòng 301, thấy T5 (P) đang nằm trên giường, T2 liền yêu cầu T5 (P) trả tiền nhưng T5 (P) nói chưa có tiền trả. T2 bảo T5 (Phin) cùng đi về nhà T2 để giải quyết, T5 (P) đồng ý. Sau đó T5 (P), Chảo Láo T3, T2, T4, T và Vàng Láo T5 cùng đi taxi về nhà T2 tại thôn Đ, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi về đến nhà T2. T2 yêu cầu T5 (P) và Chảo Láo T3 đi vào nhà và dặn lái xe taxi chờ ở ngoài. Khi vào trong nhà, T3 (P) ngồi ở trên ghế trong phòng khách, Chảo Láo T3 ngồi ở bên phải của T3 (Phin). T2 nói với T3 (Phin) “*Ý mày là giờ không trả tiền đúng không*” rồi dùng tay phải lấy chiếc dép giả da màu đen bên phải đang đi, tay trái giữ đầu T3 (P), tay phải cầm dép đánh 02 cái vào vùng đầu, mặt bên trái của T3 (P), T2 chuyển dép sang tay trái rồi tiếp tục đánh 01 cái vào vùng đầu, mặt bên phải của T3 (Phin). Vừa đánh, T2 vừa chửi, nói T3 (P) nợ tiền không trả, còn trốn tránh, khóa facebook. Lúc này, T4, T và Vàng Láo T5 đứng đằng sau T2, T4 dùng chân phải đạp vào ngực T5 (P) và nói “*Bây giờ như nào?*”. T2 tiếp tục hỏi T5 (P) “*Bao giờ có tiền? Bao giờ trả tiền? Gọi mẹ mày mang tiền xuống đây*”. Phạm Thanh T cũng dùng tay đánh Chảo Láo T3 01 cái vào mặt và nói với Chảo Láo T3 “*Bao giờ có tiền*”, Chảo Láo T3 nói “*Cho em khát mấy hôm*”, mục đích T đánh Chảo Láo T3 để T3 (P) không nghi ngờ và sợ phải thu xếp tiền trả cho T2. T2 đưa chiếc điện thoại Iphone X màu trắng cho T3 (P) yêu cầu T3 (P) gọi cho bà Tần Tả M (sinh năm 1977) là mẹ của T3 (P) mang tiền xuống trả cho T2 thì T2 mới thả cho T3 (P) về. Thấy T3 (P) nói chuyện với bà M bằng tiếng dân tộc Dao, T2 không hiểu được nên bảo V Láo Tả dịch lại thì biết T3 (P) chỉ xin được 13.000.000 đồng, T2 liền nói “*Sao lại 13.000.000 đồng, phải là 20.000.000 đồng*”. Sau đó, T2 cùng T4, Chảo Láo T3, Vàng Láo T5 và Phạm Thanh T tiếp tục trông giữ Tả (P) ở nhà của T2 đợi người nhà mang tiền xuống trả thì mới cho T5 (P) về.

Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T5 (P) nói với T2 “*Bây giờ muộn quá người nhà chưa lo được tiền*”. T2 nói “*Bây giờ đi ra quán*”, T2 cùng T4, Chảo Láo T3, Vàng Láo T5, Phạm Thanh T và T5 (P) lên xe taxi đi ra quán bi

da của T2 ở thôn K, xã Q, huyện B. Tại đây T5 (P) tiếp tục bị giữ lại để đòi tiền, khi nào T5 (P) trả được tiền thì mới cho về. Sau đó T2, T4, Chảo Láo T3, Vàng Láo T5 đều rời khỏi quán bida, do được T2 nhờ nên Phạm Thanh T đã ở lại để trông giữ Tản L (P) đến khoảng 05 giờ sáng ngày 04/9/2022 T2 và T4 quay lại quán T, T2, T4 đưa T5 (P) đi ăn sáng đến khoảng 05 giờ 30 phút ăn sáng xong, T2, T4, T lại đưa T5 (P) về quán bida. Khoảng 06 giờ sáng ngày 04/9/2022, T2, T và T4 tiếp tục yêu cầu T5 (P) gọi điện cho bà M để mang tiền đến nhưng bà M nói chưa vay đủ tiền nên hẹn chiều mới đến. Do phải thức đêm trông, giữ T5 (P) nên Phạm Thanh T đi về nhà ngủ. Trần Văn T2 sợ kéo dài thời gian người nhà T5 (P) sẽ trình báo cơ quan chức năng nên T2 đã gọi điện cho Vàng Trung L mang xe mô tô biển kiểm soát 24B2 – 821.51 của L đến cho T5 (P) mượn. T2 nói với L nếu T5 (P) không trả xe thì T2 sẽ có trách nhiệm. L đồng ý rồi đi về, T2 yêu cầu T5 (P) mang xe mô tô của L đi thế chấp bằng tên của T5 (P) để lấy 20.000.000 đồng về trả cho T2.

Do sợ tiếp tục bị đánh và không cho về nên T5 (P) đồng ý. T2 bảo V Láo Tả dẫn T5 (P) đến quán sửa xe của Trần Tiến T6 để thế chấp xe vay 20 triệu đồng. Vàng Láo T5 nhận tiền vào tài khoản M1 của mình rồi chuyển số tiền trên vào tài khoản BIDV của Trần Văn T2. Nhận được tiền T2 cho T5 (P) về. Sau khi chiếm đoạt được 20.000.000 đồng của T5 (P), Trần Văn T2 cho V Láo Tả 500.000 đồng, cho Chảo Láo T3 thêm 500.000 đồng, số tiền này Chảo Láo T3 và Vàng Láo T5 đã tiêu xài cá nhân hết, còn T4 và T, T2 chưa cho tiền.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 217/TgT ngày 23/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh L đã xác định tại thời điểm giám định: Tản Láo Tả không có dấu vết thương tích để lại trên cơ thể: Mức tổn thương cơ thể là 0%. Dấu hiệu: Đau, sưng nề, bầm tím: Không xếp mức tổn thương cơ thể do không có quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 0%. Cơ chế chấn thương: Chấn thương trực tiếp. Vật gây thương tích: Vật tày.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn T2, Trần Thanh T4, Chảo Láo T3 và Vàng Láo T5, Phạm Thanh T về tội “*Giữ người trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do Phạm Thanh T bỏ trốn tại địa phương nên ngày 10/01/2023 Cơ quan CSĐT công an huyện B đã ra quyết định truy nã đối với Phạm Thanh T. Ngày 14/01/2023 Cơ quan CSĐT công an huyện B ra quyết định tách vụ án hình sự. Ngày 14/01/2023 Cơ quan CSĐT công an huyện B ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án. Trần Văn T2, Trần Thanh T4, Chảo Láo T3 và Vàng Láo T5 bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xét xét về tội “*Giữ người trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo bản án số 16/2023/HSST ngày 30/3/2023.

Ngày 29/4/2025 Phạm Thanh T bị lực lượng chức năng Lào trả về Việt Nam qua cửa khẩu biên phòng quốc tế C2 và bị bắt theo Quyết định truy nã ngày 10/01/2023. Ngày 05/5/2025 Cơ quan CSĐT công an tỉnh L phục hồi điều

tra vụ án đối với Phạm Thanh T. Tại Cơ quan điều tra Phạm Thanh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số 30/CT – VKS ngày 15/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai truy tố Phạm Thanh T về các tội “*Giữ người trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố Phạm Thanh T về tội danh, điều luật áp dụng theo bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi của bị cáo Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Xử phạt bị cáo tù 09 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “*Cướp tài sản*”. Xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Thanh T không có tài sản, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Đã được xử lý tại bản án số 16/2023 ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Không liên quan đến bị cáo Phạm Thanh T, không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, xét xử đối với Trần Văn T2, Trần Thanh T4, Chảo Láo T3 và Vàng Láo T5 và đến nay người bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự, không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, giải quyết, xét xử vụ án đối với Trần Văn T2, Trần Thanh T4, Chảo Láo T3, Vàng Láo T5 và bị cáo Phạm Thanh T. Người bị hại không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh T đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai truy tố đối với bị cáo, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thanh T: Ngày 03/9/2022 bị cáo Phạm Thanh T đã có hành vi giữ bị hại Tần Láo Tả tại nhà và quán bia của T2 từ 22 giờ ngày 03/9/2022 đến khoảng 06 giờ ngày 04/9/2022 hành vi của bị cáo phạm tội giữ người trái pháp luật, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự.

Ngoài hành vi giữ người trái pháp luật. Bị cáo bị cáo Phạm Thanh T có hành vi dùng vũ lực thể hiện bằng việc tát T5 (P), đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho T5 (Phin) không thể chống cự được. Phạm Thanh T còn đánh vào mặt Chảo Láo T3 để bị hại T3 (P1) không nghi ngờ và biết việc Chảo Láo T3 đã báo tin cho Trần Văn T2 và làm cho T3 (P) sợ vì mình mà bạn Chảo Láo T3 bị liên liên lụy dẫn đến việc T3 (P) đã thực hiện theo yêu cầu và sắp xếp của Trần Văn T2, mượn xe máy của Vàng Tùng L1 để mang đi cầm cố lấy 20.000.000 (hai mươi triệu) trả cho cho T2, chiếm đoạt của T3 (P1) số tiền 20.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Phạm Thanh T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai truy tố Phạm Thanh T về các tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tuy nhiên do thiếu ý thức trong việc chấp hành pháp luật, khi Trần Văn T2 nhờ bị cáo đi cùng và khi biết việc T2 đi tìm, giữ, đánh Tần Láo T1 (Phin) để đòi tiền, bị cáo đã không can ngăn mà nhất trí tham gia và thực hành tích cực trong việc trông giữ Tần Láo Tả (P) và đánh đập, dùng vũ lực để đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của Tần L (P1) số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Trần Văn T2 là người khởi xướng. Phạm Thanh T là người thực hành tích cực, trực tiếp trông giữ, đánh và uy hiếp tinh thần T1 (P) và có hành vi đánh vào mặt Chảo Láo T3 để bị hại T3 (P1) không nghi ngờ và biết việc Chảo Láo T3 đã báo tin cho Trần Văn T2 và làm cho T3 (Phin) sợ, phải lo tiền để trả cho T2, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của Tần L (Phin). Vì vậy Phạm Thanh T là người thứ ba cùng phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo nộp cho Hội đồng xét xử Giấy xác nhận khuyết tật của bà Trần Thị G; Đơn xin xác nhận gia cảnh trình bày hoàn cảnh của gia đình bị cáo, tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh T trình bày bị cáo là lao động duy nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thì tình tiết trên không phải tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử khi lượng hình sẽ căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ để đưa ra một mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt: Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án từ 09 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù đối với tội “*Giữ người trái pháp luật*”; Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đối với tội “*Cướp tài sản*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Phạm Thanh T để răn đe, phòng ngừa chung và đồng thời giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý tại bản án số 16/2023 ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Các vật chứng của vụ án không liên quan đến bị cáo Phạm Thanh T; Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, xét xử, người bị hại Tẩn L (P) không yêu cầu bồi thường về dân sự; Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 29/4/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 nghị quyết 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thanh T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 7 – Lào Cai.
- PV 06 Công an tỉnh;
- Công an tỉnh Lào Cai (3);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng THADS KV 7 – Lào Cai;
- Lưu Hồ sơ, HSTHA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng Thị Thu Trang

